

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật

Để thi hành đúng các quy định của pháp luật về việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật nhằm phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong các lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu; xuất cảnh, nhập cảnh và quản lý thuế; Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Toà án nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật giữa các cơ quan Hải quan và cơ quan Thuế, Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân các cấp; trách nhiệm, trình tự, thủ tục, thời hạn thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu.

2. Những thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật cần được thông báo, gửi, cung cấp bao gồm:

a) Những thông tin, tài liệu phản ánh về lý lịch bị can, kết quả truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và các thông tin, tài liệu khác liên quan đến người phạm vào một trong các tội được quy định tại các điều 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 161, 162, 164, 165, 166, 167, 168, 171, 180, 181, 185, 190, 192, 193, 194, 195, 196, 201, 230, 233, 236, 237, 238, 272, 273, 274 và 275 của Bộ luật hình sự.

b) Những thông tin, tài liệu phản ánh về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hoặc có hành vi vi phạm pháp luật đã bị cơ quan Hải quan hoặc cơ quan Thuế xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu

Việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân và tổ chức vi phạm pháp luật phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Thông tin, tài liệu phải được thông báo, gửi, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho mỗi ngành thông qua đơn vị đầu mối được quy định tại điều 5 Thông tư này;

2. Bảo đảm đúng quy định của Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước, Pháp lệnh lưu trữ quốc gia và Danh mục bí mật Nhà nước của từng ngành.

Điều 3. Các loại thông tin, tài liệu được thông báo, gửi, cung cấp

1. Các loại thông tin, tài liệu mà cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân, gồm:

a) Thông tin, tài liệu từ cơ quan Hải quan về tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, về người đã bị cơ quan Hải quan xử phạt hành chính, đang bị cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự xem xét để khởi tố vụ án hình sự và những thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc phối hợp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu và xuất cảnh, nhập cảnh.

b) Thông tin, tài liệu từ cơ quan Thuế về người trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, mua bán hoá đơn bất hợp pháp, làm mất hoá đơn, vi phạm pháp luật về thuế rồi bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh, tiếp tay cho hành vi trốn thuế, không nộp tiền thuế đúng thời hạn sau khi cơ quan quản lý thuế đã áp dụng các biện pháp xử phạt, cưỡng chế thu nợ thuế; về hành vi vi phạm pháp luật về thuế của người nộp thuế làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức, cá nhân khác và những thông tin, tài liệu khác liên quan đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thuế.

2. Các loại thông tin, tài liệu mà Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp cho cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, gồm:

- a) Thông tin về bị can;
- b) Bản sao Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định không khởi tố vụ án;
- c) Bản sao Quyết định khởi tố bị can;
- d) Bản sao cáo trạng hoặc trích sao cáo trạng về những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này;
- đ) Bản sao Quyết định đình chỉ vụ án hoặc Quyết định tạm đình chỉ vụ án;
- e) Bản sao Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can.

3. Các loại thông tin, tài liệu mà Tòa án nhân dân có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp cho cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, gồm:

- a) Thông tin về bị cáo;
- b) Bản sao Quyết định khởi tố vụ án (trường hợp Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại phiên tòa);
- c) Bản sao Bản án hình sự sơ thẩm, bản sao Bản án hình sự phúc thẩm;
- d) Bản sao Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án hình sự;
- đ) Bản sao Quyết định thi hành án phạt tù;
- e) Bản sao Quyết định xoá án tích;
- g) Bản sao Giấy chứng nhận xoá án tích.

4. Các bản sao thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 điều 3 này phải được người có thẩm quyền của cơ quan đó xác nhận và đóng dấu của cơ quan đó.

Điều 4. Hình thức thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu

1. Việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu theo định kỳ phải được

thực hiện bằng văn bản theo các mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thông tin, tài liệu được tổng hợp định kỳ theo từng tháng và được thông báo, gửi, cung cấp vào ngày 20 của tháng tiếp theo.

3. Thông tin, tài liệu cũng được thông báo, gửi, cung cấp đột xuất khi có yêu cầu của các đơn vị liên quan của các cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân bằng văn bản hoặc trực tiếp.

Điều 5. Các đầu mối chịu trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp và tiếp nhận thông tin, tài liệu theo định kỳ

1. Tại các cơ quan Trung ương

a) Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu của Tổng cục Hải quan quy định tại điểm a khoản 1 điều 3 Thông tư này cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 2 và 3 điều 3 Thông tư này.

b) Ban cải cách và hiện đại hoá thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu của Tổng cục Thuế quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Thông tư này cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 2 và 3 điều 3 Thông tư này.

c) Các Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại khoản 2 điều 3 Thông tư này cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 điều 3 Thông tư này.

d) Vụ Thống kê - Tổng hợp thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại khoản 3 điều 3 Thông tư này cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 điều 3 Thông tư này.

2. Tại các cơ quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Cục Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và các Chi cục trực thuộc quy định tại điểm a khoản 1 điều 3 Thông tư này cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp trên địa bàn và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 2 và 3 điều 3 Thông tư này.

b) Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Thông tư này cho Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 2 và 3 điều 3 Thông tư này.

c) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình quy định tại khoản 2 điều 3 Thông tư này cho Cục Hải quan, Cục Thuế cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 điều 3 Thông tư này. Ở những tỉnh không có đơn vị Hải quan cùng cấp thì

thông báo, gửi, cung cấp cho Cục Hải quan liên tỉnh (có danh sách Cục Hải quan liên tỉnh kèm theo Thông tư này).

d) Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình quy định tại khoản 3 điều 3 Thông tư này cho Cục Hải quan, Cục Thuế cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 điều 3 Thông tư này. Ở những tỉnh không có Cục Hải quan cùng cấp thì thông báo, gửi, cung cấp cho Cục Hải quan liên tỉnh (có danh sách Cục Hải quan liên tỉnh kèm theo Thông tư này).

3. Tại các cơ quan quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

a) Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Thông tư này cho Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 2 và 3 điều 3 Thông tư này.

b) Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình quy định tại khoản 2 điều 3 Thông tư này cho Chi cục Thuế cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Thông tư này. Ở những tỉnh không có đơn vị Hải quan thì thông báo, gửi, cung cấp cho Cục Hải quan liên tỉnh (có danh sách Cục Hải quan liên tỉnh kèm theo Thông tư này).

c) Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình quy định tại khoản 3 điều 3 Thông tư này cho Chi cục Thuế cùng cấp và tiếp nhận các thông tin, tài liệu quy định tại điểm b khoản 2 điều 3 Thông tư này. Ở những tỉnh không có đơn vị Hải quan thì thông báo, gửi, cung cấp cho Cục Hải quan liên tỉnh (có danh sách Cục Hải quan liên tỉnh kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Thủ tục, thời hạn thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu đột xuất

1. Yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu có thể được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản.

a) Khi cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân các cấp có yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu thì người trực tiếp yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu phải có giấy giới thiệu của cơ quan chủ quản và trong giấy đó cần ghi rõ tên thông tin, tài liệu yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp, hình thức (bản chính hoặc bản sao), mục đích sử dụng.

b) Khi cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân các cấp có yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu bằng văn bản thì trong văn bản yêu cầu cần ghi rõ tên thông tin, tài liệu yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp, hình thức (bản chính hoặc bản sao), mục đích sử dụng. Văn bản yêu cầu phải đánh số; ngày, tháng, năm ban hành; họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu cơ quan yêu cầu.

2. Thời hạn thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu

a) Đối với trường hợp yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu bằng hình thức trực tiếp thì cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm thông báo, cung cấp phải thông báo, cung cấp ngay trong ngày. Trường hợp chưa thể thông báo, cung cấp ngay được, thì hẹn ngày thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu, nhưng tối đa không quá mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

b) Đối với trường hợp yêu cầu thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu bằng văn bản thì cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp cho cơ quan yêu cầu theo đúng thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu hoặc chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

c) Đối với trường hợp yêu cầu được đọc, nghiên cứu thông tin, tài liệu tại chỗ thì cơ quan được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp ngay sau khi có sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan quản lý thông tin, tài liệu đó. Nếu không cung cấp được ngay thì nêu rõ lý do và hẹn ngày cung cấp nhưng tối đa không quá bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 7. Quyền yêu cầu và quyết định thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu

1. Những người thuộc cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế có quyền yêu cầu và quyết định thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu, gồm:

a) Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

b) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan (Tổng cục Hải quan); Trưởng Ban Cải cách và hiện đại hoá, Trưởng Ban Thanh tra (Tổng cục Thuế);

c) Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục thuế; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng, Phó chi cục trưởng Chi cục thuế.

2. Những người thuộc Viện kiểm sát nhân dân có quyền yêu cầu và quyết định thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu, gồm:

a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp;

b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Những người thuộc Toà án nhân dân có quyền yêu cầu và quyết định thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu, gồm:

a) Chánh án, Phó Chánh án Toà án nhân dân các cấp;

b) Chánh toà, Phó Chánh toà; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương thuộc Toà án nhân dân tối cao.

Điều 8. Phối hợp trao đổi thông tin qua hệ thống công nghệ thông tin

1. Các đơn vị tham mưu, giúp việc thuộc Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Toà án nhân dân tối cao tổ chức khảo sát cơ sở dữ liệu riêng của từng ngành để chuẩn hoá dữ liệu thông tin phục vụ cho việc xây dựng phần mềm nối mạng công nghệ thông tin phục vụ việc cung

cấp thông tin theo nhu cầu và khả năng đáp ứng của mỗi ngành.

2. Khi có đủ điều kiện thì các ngành tiến hành trao đổi, thống nhất việc nối mạng, cấp mật khẩu phân quyền cấp nhật để khai thác thông tin quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2010.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần được hướng dẫn bổ sung, đề nghị các đơn vị báo cáo theo ngành dọc về Bộ Tài chính qua Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thuế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao qua Cục Thống kê tội phạm, Tòa án nhân dân tối cao qua Vụ Thống kê - Tổng hợp để được giải thích và hướng dẫn bổ sung kịp thời.

KT. CHÁNH ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN



Đặng Quang Phương

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Hoàng Nghĩa Mai

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Bộ Tài Chính;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Các đơn vị thuộc VKSNDTC;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát NDTC và Tòa án NDTC;
- Công báo;
- Lưu: VT (BTC, VKSNDTC, TANDTC).

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: 675/SY-VP

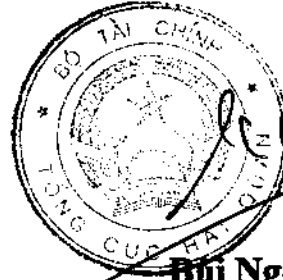
Nơi nhận:

- LĐTTC;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2009

**TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Bùi Ngọc Lợi

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 01/TC-KS-TA

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 239/2009/TTLT-BTC-VKSNDTC-TANDTC
ngày 21...tháng 12...năm 2009)

Cơ quan:.....(1).....

Đơn vị:(2).....

Số:(3).....

V/v gửi, thông báo, cung cấp
thông tin, tài liệu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:(4).....

Căn cứ Thông tư liên tịch số/TTLT-BTC-VKSNDTC-TANDTC
ngày..... tháng..... năm.....;(3)..... xin thông báo, gửi và cung cấp thông tin,
tài liệu về đối tượng có vi phạm để phục vụ công tác của Quý cơ quan.

Tài liệu gửi kèm Công văn gồm có:

- Biểu cung cấp thông tin số(5).....;
- Các tài liệu khác kèm theo:(6).....

Nơi nhận:

.....;
.....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

.....(7).....

Hướng dẫn cách lập Mẫu số 01/TC-KS-TA

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 239/2009/TTLT-BTC-VKSNDTC-TANDTC
ngày 21...tháng 12...năm 2009)

- (1): ghi tên cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu
- (2): ghi tên đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, tài liệu
- (3): ghi số hiệu Công văn theo quy định của cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu
- (4): ghi tên cơ quan nhận thông tin, tài liệu
- (5): ghi số hiệu biểu cung cấp thông tin, tài liệu; cụ thể như sau:
 - Biểu số 01 TC/TC-KS dùng cho cơ quan tài chính gửi thông tin về người có dấu hiệu vi phạm, chây ì thuế, bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh cho VKSND;
 - Biểu số 01 TC/TC-TA dùng cho cơ quan tài chính gửi thông tin về người có dấu hiệu vi phạm, chây ì thuế, bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh cho TAND;
 - Biểu số 01 KS/TC-KS dùng cho VKSND gửi thông tin về người phạm tội đề nghị truy tố cho cơ quan tài chính;
 - Biểu số 01 TA/TC-TA dùng cho TAND gửi thông tin về người đã bị xét xử cho cơ quan tài chính.
- (6): ghi tên các tài liệu gửi kèm Công văn
- (7): chữ ký và ghi họ tên của Thủ trưởng cơ quan cung cấp thông tin, tài liệu theo thẩm quyền phê duyệt quy định tại TTLT.

BỘ TÀI CHÍNH

Đơn vị:.....

Biểu số 01 TC/TC-TA*(kèm theo Công văn số**về việc cung cấp thông tin, tài liệu của cơ quan tài chính cho TAND)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân vi phạm	Địa chỉ đăng kí hoạt động hoặc nơi cư trú	Điện thoại, fax	Quyết định xử lý vi phạm/ Quyết định khởi tố vụ án		Quyết định cưỡng thuế
				Số hiệu	Trích yếu nội dung	
I. Tổ chức vi phạm:						
II. Cá nhân vi phạm:						

Cán bộ lập biểu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÂN ĐỊNH ĐỊA BÀN QUẢN LÝ
CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ**

*(kèm theo Thông tư liên tịch số: 239.../2009/TTLT-BTC-VKSNDTC-TANDTC
ngày 21... tháng 12... năm 2009)*

STT	TÊN CỤC HẢI QUAN (cột 1)	ĐỊA BÀN HẢI QUAN (cột 2)
1	Cục Hải quan tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang
2	Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương
4	Cục Hải quan tỉnh Bình Định	Các tỉnh Bình Định và Phú Yên
5	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước	Tỉnh Bình Phước
6	Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng	Các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên
7	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau	Các tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu
8	Cục Hải quan Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ và các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh và Sóc Trăng.
9	Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng
10	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk	Các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và Đắk Nông
11	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai	Các tỉnh Đồng Nai và Bình Thuận
12	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp
13	Cục Hải quan Gia Lai – Kon Tum	Các tỉnh Gia Lai và Kon Tum
14	Cục Hải quan tỉnh Hà Giang	Các tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang
15	Cục Hải quan thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ và Hoà Bình
16	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh
17	Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng và các tỉnh Thái Bình, Hải Dương và Hưng Yên
18	Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang
19	Cục Hải quan tỉnh Điện Biên	Các tỉnh Điện Biên, Lai Châu và Sơn La
20	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn	Các Tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang
21	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai	Các tỉnh Lào Cai và Yên Bái
22	Cục Hải quan tỉnh Long An	Các tỉnh Long An, Tiền Giang và Bến Tre
23	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An
24	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình	Tỉnh Quảng Bình
25	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
26	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi
27	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh

28	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
29	Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá	Các tỉnh Thanh Hoá, Nam Định, Ninh Bình và Hà Nam
30	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế
31	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh
32	Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
33	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hoà	Tỉnh Khánh Hoà

Ghi chú:

- Các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố tại cột (1) có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân, tổ chức vi phạm cho Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân các tỉnh, thành phố nêu tại cột (2) thuộc địa bàn của mình.

- Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân các tỉnh, thành phố nêu tại cột (2) và Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân cấp quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh, thành phố nêu tại cột (2) bảng trên có trách nhiệm thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, cá nhân, tổ chức vi phạm cho Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố nêu tại cột (1) thuộc địa bàn.

www.LuatVietnam.vn